

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Mua hóa chất dụng cụ phân tích mẫu đất.
- Tên Dự toán mua sắm: Nhiệm vụ “Đánh giá mức độ ô nhiễm Cadimi (Cd) trong đất tại các khu vực trồng sầu riêng trọng điểm, phục vụ quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm”.
- Địa điểm thực hiện: Viện Môi trường Nông nghiệp hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư (nếu có)
- Yêu cầu về cung cấp hàng hóa: Hàng hóa bàn giao phải có nguồn gốc, xuất xứ. Nếu kiểm tra hàng hóa không đạt yêu cầu, nhà thầu phải thay thế hàng hóa mới phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật đã chào thầu.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Nguồn vốn: NSNN.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, hoặc thông số kỹ thuật độc quyền của nhà sản xuất nào đó (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu, thông số kỹ thuật phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương, tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét hoặc "ưu việt hơn, cao hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

Đối với hàng hóa chào thầu có Thông số kỹ thuật (TSKT) khác với TSKT của E-HSMT thì nhà thầu phải có Bảng so sánh thông số kỹ thuật đính kèm tài liệu chứng minh là đáp ứng.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Dung dịch chuẩn pH 4.01	Chai 1000 ml	42	Dạng hóa chất: Dung dịch chuẩn Nồng độ: Chuẩn pH 4,0 Độ chính xác $\pm 0,01$ ở 25°C
2	Dung dịch chuẩn pH 7.00	Chai 1000 ml	42	Dạng hóa chất: Dung dịch chuẩn Nồng độ: Chuẩn pH 7,0 Độ chính xác $\pm 0,01$ ở 25°C
3	Dung dịch chuẩn pH 10.00	Chai 1000 ml	42	Dạng hóa chất: Dung dịch chuẩn Nồng độ: Chuẩn pH 10,0 Độ chính xác $\pm 0,02-0,05$ ở 20°C
4	Nước cất 1 lần	lít	4190	Dùng cho phòng thí nghiệm pH 5,5-6,5 Độ dẫn điện riêng: $\mu\text{S}/\text{cm} \leq 5$ Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ≤ 3
5	Dung dịch Cd chuẩn gốc 1000ppm	Chai 500ml	8	Đạt chuẩn phân tích Hàm lượng 1000ppm; Tỉ trọng: $1,013\text{g}/\text{cm}^3$ (20°C); pH: 0,5 (H ₂ O 20°C)
6	KCl	Lọ 500 Gam	8	Hàm lượng: $\geq 95,5\%$ Dạng: tinh thể pH: 5,0–8,0 Giới hạn tạp Bromide (Br ⁻): $\leq 0,05\%$
7	Na ₂ SO ₄ (99%)	Lọ 500 Gam	8	Hàm lượng: $\geq 99,0\%$ Dạng: tinh thể pH: 5,0-8,0 Tiêu chuẩn: ACS/AR hoặc tương đương
8	HNO ₃	Chai 500ml	84	Dạng hóa chất: dung dịch Độ tinh khiết: $\geq 90,0\%$ Tạp chất: 5-10% pH: <1 (H ₂ O, 20°C)
9	H ₂ O ₂	chai 500 ml	84	Nồng độ: $\geq 29\%$ Dạng: lỏng Tiêu chuẩn: ACS/ISO/AR hoặc tương đương
10	NaOH	Lọ 500gam	84	Hàm lượng: $\geq 97,0\%$ Dạng: tinh thể Tạp chất: Na ₂ CO ₃ $\leq 1,0\%$
11	NH ₄ NO ₃	Chai 500ml	84	Dạng hóa chất: tinh thể, màu trắng, tan được trong nước. Hàm lượng: $\geq 99,0\%$. Khối lượng mol của NH ₄ NO ₃ :

				0,04336g/mol. Tỷ trọng: 1,725g/cm ³
12	Bột Pd	Lọ 1gam	4	Dạng hóa chất: bột Công thức hóa học: PdCl ₂ pH: 2,15 Độ hòa tan: 55,6 g/l Độ tinh khiết: ≥ 99,0% Khối lượng riêng: 4,0 g/cm ³
13	Giấy lọc	Hộp 100 tờ	250	Đường kính: ≥ 150 mm Hộp 100 tờ
14	Khí argon	bình 40 lit	8	Độ tinh khiết: ≥ 99,999% (5.0)
15	Cối, chày	bộ	84	Chất liệu: Sứ Đường kính 210 mm, cao 87 mm, Chiều dài chày: 213mm. Chịu nhiệt độ cao và hóa chất
16	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 100ml	Chiếc	210	Chất liệu: Thủy tinh brosilicate. Thể tích: 100ml ±5% Tính chất: chịu nhiệt
17	Pipet 10ml	cái	16	Chất liệu: thủy tinh chịu nhiệt class A Chia vạch: 0,1ml Dung tích: 10ml
18	Micropipet 1ml	cái	16	- Micropipet 1000μl (1ml) - Thể tích lấy mẫu: 1000 μl - Độ dung sai tương ứng: ≥0.3% - Độ chính xác: ≥ 0.2%
19	Đầu cone 1ml	cái	100	Chất liệu nhựa polypropylene, có thể hấp tiệt trùng. Dung tích: 1000μl (1ml)
20	Bình tia 500 ml	cái	16	Thể tích: 500 ml Vật liệu: nhựa PP
21	Bình định mức 25ml	cái	16	Chất liệu thủy tinh, chịu nhiệt class A Dung tích: 25ml, có nút, nắp nhựa PE kháng hóa chất cao Chiều cao: 110mm, đường kính 40mm; kích thước nắp: 10/19
22	Bình định mức 50ml	cái	16	Chất liệu: Thủy tinh, class A Dung tích: 50 ml Kích thước: Chiều cao: ≥140 mm Đường kính thân: ≥50 mm

23	Bình định mức 1000ml	cái	17	- Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Dung tích: 1000ml - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250⁰C - Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: - 40⁰C đến +80⁰C
24	Cốc thủy tinh 250ml	cái	16	Chất liệu: Thủy tinh brosilicate, class A Thể tích: 250ml Tính chất: chịu nhiệt Chiều cao: ≥ 95mm Đường kính: ≥ 70mm
25	Đũa thủy tinh	cái	15	Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt Chiều dài: 30 cm
26	Bình tam giác 250ml	cái	16	Chất liệu: Thủy tinh brosilicate 3.3, chịu nhiệt, hóa chất Dung tích: 250 ml Chia vạch, dung sai ± 5% - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.
27	Cuvet Graphit	cái	50	Chất liệu: Thạch anh Cuvet thủy tinh (10x10ml) dùng cho máy quang phổ hấp phụ nguyên tử Kích thước: 45 mm × 12,5 mm × 12,5 mm
28	Đèn D2	cái	4	Dùng cho các derlecter cho máy HPLC, máy UV-VIS. Đạt tiêu chuẩn nhà sản xuất
29	Đèn Tungsten	cái	4	Dùng cho máy Quang phổ Đạt tiêu chuẩn nhà sản xuất.
30	Đèn EDL	cái	4	Dòng điện đa phân tử, đường kính 2 inch (50mm). EDL được ưu tiên cho 1 số nguyên tố bay hơi. Tích hợp được tất cả các dòng máy quang phổ hấp thụ nguyên tử
31	Găng tay y tế	hộp	5	Chất liệu: Cao su tự nhiên Chiều dài: 24 cm Kích cỡ: XS, S, M, L

1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán: Thanh toán thành nhiều đợt sau khi nhà thầu hoàn thành các trách nhiệm theo hợp đồng. Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

- Khả năng cung cấp tài chính: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng, hiệu quả và độ an toàn của sản phẩm cung cấp.

- Nhà thầu đề xuất kế hoạch triển khai tổng thể đảm bảo các nội dung: Quy trình các bước triển khai tổng thể, Tiến độ tổng thể dự kiến thực hiện;

- Trên cơ sở Kế hoạch tổng thể, nhà thầu trình bày chi tiết các nội dung về Kế hoạch triển khai; Cách thức vận chuyển bằng xe chuyên dụng (Nhà thầu trình bày rõ tiêu chí lựa chọn xe chuyên dụng và các yêu cầu kỹ thuật đảm bảo), cách thức bảo quản hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển, phương thức bàn giao hàng hóa chi tiết với từng hạng mục công việc; Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phương pháp kiểm tra chất lượng từng hạng mục hàng hóa trước khi giao hàng và tiến hành cung cấp cho chủ đầu tư.

- Nhà thầu có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi, chi tiết phù hợp kế hoạch chi tiết triển khai với từng hạng mục công việc. Việc cung cấp bàn giao hàng hóa làm 02 đợt, được thể hiện rõ ràng, cụ thể trong bảng tiến độ chi tiết dự kiến:

+ Đợt 1: sau 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Đợt 2: sau 20 ngày kể từ sau ngày giao hàng đợt 1.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư có quyền yêu cầu kiểm tra hàng hóa trước khi bàn giao nhiệm vụ. Nếu kiểm tra thử nghiệm hàng hóa không đạt yêu cầu, nhà thầu phải thay thế hàng hóa mới phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật đã chào thầu.

- Kiểm tra Hàng hóa khi nhận hàng từng đợt: Có xuất xứ, có giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng của cơ quan có thẩm quyền cấp; có catalogue/bao bì hàng hoá (bản dịch, hướng dẫn bằng tiếng Việt). Nhãn hàng hóa thực hiện theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017. Hàng hóa không vỡ nát, sứt mẻ, chất lượng, thành phẩm đảm bảo theo yêu cầu.